

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2023-2024)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

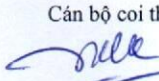
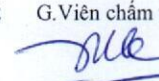
Môn học : [22833704] - Thiết kế tủ điều khiển
(CCQ2215CD)

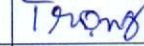
CBGD: Nguyễn Việt Khoa (280021)

Số SV có mặt: 16...

Số bài thi:16...

Số tờ giấy thi: 16...

   
Nguyễn Việt Khoa Đỗ Phạm Nguyễn Việt Khoa Đỗ Phạm

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
1	2122150083	Lê Đức	Lộc	23/11/2004	CCQ2215D			8,8	8,3	8,5
2	2122150067	Nguyễn Đức	Lộc	23/10/2004	CCQ2215D			7,8	8,8	8,4
3	2122150089	Trương Công	Lý	28/09/2004	CCQ2215D			7,8	7,5	7,6
4	2122150093	Nguyễn Văn	Muróp	27/08/2004	CCQ2215D			8,0	7,8	7,9
5	2122150072	Trần Trung	Nguyên	20/07/2004	CCQ2215D			8,3	7,3	7,7
6	2121150031	Trần Thanh	Phú	07/03/2003	CCQ2115A					✓
7	2122150005	Trần Văn	Quý	15/03/2004	CCQ2215B					✓
8	2122150058	Đinh Hữu Ngõ	Quyền	28/09/2004	CCQ2215D			9,3	8,8	9,0
9	2122150059	Nguyễn Tấn	Thành	16/05/2004	CCQ2215D			7,5	6,8	7,1
10	2122150064	Phan Chí	Thiện	21/11/2004	CCQ2215D			9,0	8,5	8,7
11	2122150085	Võ Đức	Thịnh	16/11/2004	CCQ2215D			8,5	7,0	7,6
12	2122150055	Huỳnh	Thuận	18/09/2004	CCQ2215D			9,0	8,5	8,7
13	2122150073	Vũ Trọng	Thuận	28/08/2004	CCQ2215D			9,3	9,0	9,1
14	2122150062	Bùi Nguyễn Thiên	Toàn	02/09/2004	CCQ2215D					✓
15	2122150084	Nguyễn Trọng	Tri	21/09/2004	CCQ2215D			8,5	7,0	7,6
16	2122150092	Châu Thanh	Trọng	22/08/2004	CCQ2215D			8,8	8,5	8,6
17	2122150051	Hồ Đức	Trọng	02/07/2004	CCQ2215D			8,3	7,5	7,8
18	2122150056	Phan Văn	Vi	06/11/2004	CCQ2215D			8,3	6,8	7,4
19	2122150010	Trần Như Tuấn	Vũ	19/10/2003	CCQ2215B			8,0	7,8	7,9

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2023-2024)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Nguyễn Việt Khoa *Đỗ P Nam* *Nguyễn Việt Khoa* *Đỗ P Nam*

Môn học : [22833702] - Thiết kế tủ điều khiển
(CCQ2215AB)

CBGD: Nguyễn Việt Khoa (280021)

Số SV có mặt: 17...
Số bài thi: 17...
Số tờ giấy thi: 17...

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
1	2122150022	Nguyễn Đức Mạnh	01/03/2004	CCQ2215A					✓
2	2122150094	Vũ Văn Minh	20/08/2004	CCQ2215A					✓
3	2122170583	Huỳnh Thái Nhã	30/06/2004	CCQ2215B		<i>Huỳnh Nhã</i>	8,8	8,5	8,6
4	2122150037	Đỗ Thế Quân	01/01/2004	CCQ2215B		<i>Đỗ Quân</i>	7,5	7,0	7,2
5	2122150039	Nguyễn Đức Quân	18/05/2004	CCQ2215B					✓
6	2122150017	Trần Khánh Quốc	27/10/2004	CCQ2215B		<i>Quốc</i>	9,0	8,0	8,4
7	2122150029	Cao Huỳnh Thái Sơn	20/07/2004	CCQ2215B		<i>Sơn</i>	8,0	8,8	8,5
8	2122150038	Nguyễn Trí Tài	07/02/2004	CCQ2215B		<i>Tài</i>	8,8	7,8	8,2
9	2122150007	Nguyễn Minh Tâm	27/10/2004	CCQ2215B		<i>Tâm</i>	9,0	8,5	8,7
10	2122150086	Nguyễn Vũ Hoài Tân	11/06/2004	CCQ2215B		<i>Tân</i>	8,3	9,3	8,9
11	2122150035	Huỳnh Văn Thịnh	28/09/2003	CCQ2215B		<i>Thịnh</i>	8,3	7,0	7,5
12	2122150016	Nguyễn Xuân Thịnh	28/06/2004	CCQ2215B		<i>Thịnh</i>	8,8	7,8	8,2
13	2122150025	Phan Ngọc Thông	21/03/2004	CCQ2215B		<i>Thông</i>	9,0	8,8	8,9
14	2122150006	Nguyễn Thành Tính	20/04/2004	CCQ2215B		<i>Tính</i>	9,0	9,3	9,2
15	2122150019	Nguyễn Minh Trí	01/11/2003	CCQ2215B		<i>Trí</i>	8,0	8,5	8,3
16	2122150042	Đặng Công Trình	26/04/2004	CCQ2215B		<i>Trình</i>	8,5	7,8	8,1
17	2122150031	Nguyễn Minh Trức	17/02/2004	CCQ2215B		<i>Trức</i>	8,3	9,0	8,7
18	2122150030	Hồ Quang Trung	28/10/2004	CCQ2215B		<i>Trung</i>	7,8	7,0	7,3
19	2122150014	Nguyễn Văn Truyền	25/10/2004	CCQ2215B		<i>Truyền</i>	8,0	7,3	7,6
20	2122150096	Tô Tuấn Việt	14/10/2004	CCQ2215B		<i>Việt</i>	9,0	8,8	8,9